

Ký cấp, a. Dân re t/m
BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 563 /BNV-ĐT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2019

V/v thống kê thực trạng và nhu cầu
đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ phục vụ
XD Chương trình quốc gia về học tập NN

Chuyên số Nội vụ

t/m

[Signature]

VĂN PHÒNG UBND T. QUANG BÌNH

ĐẾN Số: 1612 Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
Ngày: 14.2.2019

Chuyên: Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 132/NQ-CP ngày 24/10/2018 của
Lưu hồ sơ Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số
26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương
Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược,
đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Kế hoạch số 10-KH/TW ngày
06/6/2018 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và nhiệm vụ được
Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Nội vụ tổ chức xây dựng đề án Chương trình quốc gia
về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

Để có những đánh giá đầy đủ về thực trạng số lượng, chất lượng, trình độ năng
lực và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ phục vụ thực thi công vụ của đội ngũ cán
bộ, công chức, viên chức, Bộ Nội vụ đề nghị các địa phương báo cáo về số lượng, chất
lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của địa phương mình, cụ thể như sau:

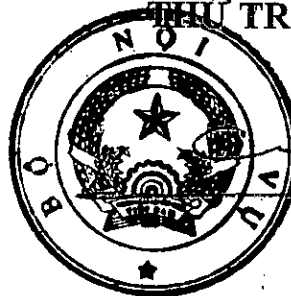
1. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (theo biểu mẫu đính kèm).
2. Thực trạng trình độ ngoại ngữ hiện nay của đội ngũ cán bộ, công chức, viên
chức (theo biểu mẫu đính kèm).
3. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức thời
gian tới (theo biểu mẫu đính kèm).
4. Kiến nghị, đề xuất cụ thể của địa phương về giải pháp tăng cường đào tạo,
bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ thực
thi công vụ và đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Báo cáo của địa phương đề nghị gửi về Bộ Nội vụ (qua Vụ Đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên), số 8 Tôn Thất Thuyết, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội trước
ngày 28/02/2019 để tổng hợp./.

2/2019
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Triệu Văn Cường;
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW
(để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



[Signature]
Triệu Văn Cường

1.3 Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện:

TT	Đối tượng	Vị trí công tác		Giới tính		Độ tuổi			Ngạch công chức/Hạng viên chức					Ghi chú
		Giữ chức vụ LĐQL	Không giữ chức vụ LĐQL	Nam	Nữ	Dưới 40	40-50	Trên 50	CS & TĐ/ Hạng I	CV & TĐ/ Hạng II	CVC & TĐ/ Hạng III	CVCC & TĐ/ Hạng IV	Khác	
1	Cán bộ													
2	Công chức													
3	Viên chức													
Tổng cộng:														

1.3 Cán bộ, công chức cấp xã:

TT	Đối tượng	Vị trí công tác		Giới tính		Độ tuổi			Ngạch công chức				Ghi chú
		Giữ chức vụ LĐQL	Không giữ chức vụ LĐQL	Nam	Nữ	Dưới 40	40-50	Trên 50	CS & TĐ	CV & TĐ	CVC & TĐ	Khác (ghi rõ)	
1	Cán bộ												
2	Công chức												
Tổng cộng:													

2. Trình độ ngoại ngữ hiện có:

2.1 Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1 & TĐ	A2 & TĐ	B1 & TĐ	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
1	CBCC cấp tỉnh	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
2	CCVC cấp Sở và tương đương	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
3	CBCCVC cấp huyện	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															

		NN khác (ghi rõ)															
4	CBCC cấp xã	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
Tổng cộng																	

2.2 Đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1 & TĐ	A2 & TĐ	B1 & TĐ	B2 & TĐ	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
1	CBCCVC cấp tỉnh	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú	
			A1 & TĐ	A2 & TĐ	B1 & TĐ	B2 & TĐ	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS		
2	CCVC cấp Sở và tương đương	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
3	GBCCVC cấp huyện	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
4	CBCC cấp xã	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
Tổng cộng																		

3. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ:

3.1 Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú	
			A1	A2	B1	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Ch. ngành	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS		
1	CBCCVC cấp tỉnh	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
2	CCVC cấp Sở và tương đương	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																
		Tiếng Trung																
		NN khác (ghi rõ)																
3	CBCCVC cấp huyện	Tiếng Anh																
		Tiếng Nga																
		Tiếng Pháp																
		Tiếng Đức																

		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
4	CBCC cấp xã	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															
Tổng cộng																	

3.2 Đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý

TT	Đối tượng	Ngoại ngữ	Chứng chỉ bồi dưỡng							Bằng tốt nghiệp ngoại ngữ ở trong nước				Bằng tốt nghiệp chuyên ngành ở nước ngoài			Ghi chú
			A1	A2	B1	B2	C1	C2	Khác (ghi rõ)	Ch. ngành	Cao đẳng	Đại học	Sau ĐH	ĐH	ThS	TS	
1	CBCCV cấp tỉnh	Tiếng Anh															
		Tiếng Nga															
		Tiếng Pháp															
		Tiếng Đức															
		Tiếng Trung															
		NN khác (ghi rõ)															

2	CCVC cấp Sở và trung đương	Tiếng Anh																	
		Tiếng Nga																	
		Tiếng Pháp																	
		Tiếng Đức																	
		Tiếng Trung																	
		NN khác (ghi rõ)																	
3	CBCCVC cấp huyện	Tiếng Anh																	
		Tiếng Nga																	
		Tiếng Pháp																	
		Tiếng Đức																	
		Tiếng Trung																	
		NN khác (ghi rõ)																	
4	CBCC cấp xã	Tiếng Anh																	
		Tiếng Nga																	
		Tiếng Pháp																	
		Tiếng Đức																	
		Tiếng Trung																	
		NN khác (khác)																	
Tổng cộng																			